

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 249A/2025/DS-PT

Ngày 29-8-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Ông Cao Minh Lễ

Bà Đào Nữ Ngọc Lan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Châu Thị Ngọc Hạnh, Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San,
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 7
năm 2025 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng góp hui*”.

Do Bản án số 82/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện
Châu Phú (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2025/QĐXX-PT ngày
23/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2025/QĐ-PT ngày 08/8/2025 giữa
các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số D, khóm B, thị trấn C,
huyện C, tỉnh An Giang (nay là số D, khóm B, xã C, tỉnh An Giang).

1.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959. Địa chỉ: tổ D, khóm B, thị trấn C,
huyện C, tỉnh An Giang (nay là số D, khóm B, xã C, tỉnh An Giang).

1.3. Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số E, tổ A, ấp B, xã B,
huyện C, tỉnh An Giang (nay là số E, khóm B, xã C, tỉnh An Giang).

1.4. Bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số C đường P, tổ C, khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số C, đường P, tổ C, khóm B, xã C, tỉnh An Giang).

1.5. Bà Trần Kim P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số C, đường P, khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số C, đường P, khóm B, xã C, tỉnh An Giang).

1.6. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số D, đường T, khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số D, đường T, khóm B, xã C, tỉnh An Giang).

1.7. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: số E, tổ B, khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số E, tổ B, khóm B, xã C, tỉnh An Giang).

1.8. Bà Phạm Thị Diễm T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, ấp B, xã C, tỉnh An Giang).

1.9. Bà Trần Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số B, tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số B, tổ B, ấp B, xã C, tỉnh An Giang).

1.10. Bà Nguyễn Thị Thùy T3, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, ấp B, xã C, tỉnh An Giang).

1.11. Bà Trần Thị L, sinh năm 1979. Địa chỉ: số A, đường H, khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số A, đường H, khóm B, xã C, tỉnh An Giang).

1.12. Bà Trương Minh H2, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số G ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (số G, ấp B, xã B, tỉnh An Giang).

1.13. Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1970. Địa chỉ: số D, tổ B, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là số D, tổ B, ấp B, xã C, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo uỷ quyền của các bà Trần Thị Kim Q, Trần Thị Bé T, Trần Thị Tuyết H, Trần Kim P: Ông Hứa Trần Anh H3, sinh năm 2000; căn cước công dân: 089200007672. Địa chỉ: số F, đường L, phường L, tỉnh An Giang. (văn bản uỷ quyền ngày 05/12/2024)

Người đại diện theo uỷ quyền của các ông bà Nguyễn Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị Thùy T3, Trần Thị L, Nguyễn Thị B1 Ba: Bà Nguyễn Thúy Q1, sinh năm 1984; căn cước công dân: 089184027195. Địa chỉ: số A, đường T, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang. (văn bản uỷ quyền ngày 05/12/2024).

Người đại diện theo uỷ quyền của các ông bà Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Diễm T2, Trương Minh H2: Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1987;

căn cước công dân: 089087007390. Địa chỉ: tổ A, khóm A, xã B, tỉnh An Giang.
(văn bản ủy quyền ngày 05/12/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị Lệ T5, sinh năm 1964.

2.2. Ông Lê Phước T6, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: số A, tổ B, khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (số A, tổ B, khóm B, xã C, tỉnh An Giang).

Đại diện hợp pháp của ông Lê Phước T6, bà Phạm Thị Lệ T5: ông Nguyễn Phước H4, sinh năm 1979; căn cước công dân: 089079008336; địa chỉ: tổ C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang (nay là tổ C, ấp V, xã V, tỉnh An Giang). (văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025)

Người kháng cáo:

Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại các đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của các bà Trần Thị Kim Q, Trần Thị Bé T, Trần Thị Tuyết H, Trần Kim P có ông Hứa Trần Anh H3; Người đại diện theo uỷ quyền của các ông bà Nguyễn Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị Thùy T3, Trần Thị L, Nguyễn Thị B1 Ba có bà Nguyễn Thúy Q1; Người đại diện theo uỷ quyền của các ông bà Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Diễm T2, Trương Minh H2 có ông Nguyễn Văn T4, trình bày và có ý kiến:*

Do sống cùng địa phương, giữa các ông bà Trần Thị Kim Q, Trần Thị Bé T, Trần Thị Tuyết H, Trần Kim P, Nguyễn Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị Thùy T3, Trần Thị L, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Diễm T2, Trương Minh H2 với bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 có quen biết nhau. Các ông bà Trần Thị Kim Q, Trần Thị Bé T, Trần Thị Tuyết H, Trần Kim P, Nguyễn Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị Thùy T3, Trần Thị L, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Diễm T2, Trương Minh H2 là hội viên có tham gia các dây hội do bà Phạm Thị Lệ T5 làm chủ hội gồm, dây hội 10 ngày với số tiền 2.000.000đồng/10ngày, hưởng huê hồng cho mỗi lần khai hội là 1.500.000 đồng, dây hội 10 ngày với số tiền 2.000.000đồng/10ngày, hưởng huê hồng cho mỗi lần khai hội là 1.000.000 đồng và số tiền 1.000.000 đồng/05 ngày, hưởng huê hồng cho mỗi lần khai hội là 500.000 đồng, cụ thể:

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Kim Q, trình bày và có ý kiến:

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Khai hội ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), mãn hội ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL); bà Q là hội viên tham gia 05 phần (thể hiện ở sổ hội ghi tên chi 2). Giữa chủ hội và hội viên có thỏa thuận miệng hót hội cố định số tiền 700.000 đồng/01lần hót hội, châu hội số tiền 1.300.000 đồng/01lần hót hội. Bà Q đã hót 02 phần hội, còn lại 03 phần hội sống.

Đối với 3 phần hội sống, bà Q đóng hội sống cho bà T5 từ ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL) đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) được 103 kỳ thành tiền: $1.300.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ phần} \times 103 \text{ kỳ} = 401.700.000 \text{ đồng}$;

Đối với 2 phần hội chết: Kỳ hội thứ 47 ngày 03/03/2023AL (nhằm ngày 22/04/2023DL), bà Q hót 01 phần hội được số tiền 207.700.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 206.200.000 đồng bà Q đã nhận đủ tiền. Sau khi hót hội, bà Q đóng hội chết từ ngày 13/03/2023AL đến ngày 25/09/2024AL (nhằm ngày 27/10/2024DL) ở kỳ 103 với tổng số tiền 114.000.000 đồng. Kỳ hội thứ 76 ngày 27/12/2023AL (nhằm ngày 06/02/2024 DL), bà Q hót 01 phần hội được số tiền 228.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 226.500.000 đồng bà Q đã nhận đủ tiền. Sau khi hót hội, bà Q đóng hội chết từ ngày 07/01/2024AL đến ngày 25/09/2024AL (nhằm ngày 27/10/2024DL) ở kỳ 103 với tổng số tiền 56.000.000 đồng.

Đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) tương ứng với kỳ 104 bà T5 tuyên bố ngưng không khai hội nữa. Từ ngày 15/12/2021AL đến ngày 05/10/2024AL là 103 kỳ (thành tiền 103 kỳ đã đóng hội sống $\times 1.300.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ phần} = 401.700.000 \text{ đồng}$). Tính từ ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024 DL) đến ngày mãn hội ngày 06/09/2025 (nhằm ngày 26/10/2025DL) còn 37 kỳ (thành tiền 37 kỳ chưa đóng $\times 2.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 148.000.000 \text{ đồng}$). Do đó, sau khi cân trừ số tiền đã châu (hội sống) với số tiền chưa châu của 01 phần hội chết là: $401.700.000 \text{ đồng} - 148.000.000 \text{ đồng} = 253.700.000 \text{ đồng}$.

Ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa bà Q với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hót hội. Sau khi sự việc xảy ra, bà Q yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà bà Q đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q.

Nay bà Trần Thị Kim Q yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Q tổng số tiền hui 253.700.000 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng) và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Tòa xét xử và thi hành án xong.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của Trần Thị Bé T, trình bày và có ý kiến:*

Dây hui 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Khai hui ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), mãn hui ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL); bà T là hui viên tham gia 01 phần hui (thể hiện ở sổ hui ghi tên THỎ). Giữa chủ hui và hui viên có thoả thuận miệng hót hui cố định số tiền 700.000 đồng/01lần hót hui, châu hui số tiền 1.300.000 đồng/01lần hót hui. Bà T đóng hui sống cho bà T5 từ ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL) đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) được 103 kỳ với số tiền $1.300.000 \text{ đồng} \times 103 \text{ kỳ} \times 01 \text{ phần} = 133.900.000 \text{ đồng}$;

Dây hui 2.000.000đồng/10ngày, gồm 72 phần. Khai hui ngày 10/01/2024AL (nhằm ngày 19/02/2024DL), mãn hui ngày 10/12/2025AL (nhằm ngày 28/01/2022DL), bà T là hui viên tham gia 01 phần hui (thể hiện ở sổ hui ghi tên T). Giữa chủ hui và hui viên có thoả thuận miệng hót hui cố định số tiền 1.000.000 đồng/01lần hót hui, châu hui số tiền 1.000.000 đồng/01lần hót hui. Bà T đóng hui sống cho bà T5 từ 10/01/2024AL (nhằm ngày 19/02/2024DL) đến ngày 24/09/2024AL (nhằm ngày 26/10/2024DL) được 26 kỳ với số tiền $1.000.000 \text{ đồng} \times 26 \text{ kỳ} = 26.000.000 \text{ đồng}$;

Dây hui 1.000.000đồng/5ngày, gồm 80 phần. Khai hui ngày 20/04/2024AL (nhằm ngày 27/05/2024DL), mãn hui ngày 01/06/2025AL (nhằm ngày 25/06/2025DL); bà T là hui viên tham gia 01 phần hui trong dây hui này với tên trong sổ hui là “Thor”. Bà T đã đóng tiền hui sống cho bà T5 từ ngày 20/04/2024AL (nhằm ngày 27/05/2024DL) đến ngày 03/10/2024AL (nhằm ngày 03/11/2024DL) được 33 kỳ với tổng số tiền 18.220.000 đồng (cụ thể: Kỳ 1, 4, 9 (ngày 20/04/2024AL, ngày 06/05/2024AL, ngày 01/06/2024AL) đóng 650.000 đồng; Kỳ 2, 3, 14, 18 (ngày 25/04/2024AL, ngày 01/05/2024AL, ngày 26/06/2024AL, ngày 17/07/2024AL) đóng 600.000 đồng; Kỳ 5, 7, 8, 11, 12, 13 (ngày 11/05/2024AL, ngày 21/05/2024AL, ngày 26/05/2024AL, ngày 11/06/2024AL, ngày 16/06/2024AL, ngày 21/06/2024AL) đóng 580.000 đồng; Kỳ 6, 15, 16 (ngày 16/05/2024AL, ngày 02/07/2024AL, 07/07/2024AL) đóng 570.000 đồng; Kỳ 10, ngày 06/06/2024AL đóng 620.000 đồng; Kỳ 17, 19, 20, 21, 22 (ngày 12/07/2024AL, ngày 22/07/2024AL, ngày 27/07/2024AL, ngày 02/08/2024AL, ngày 07/08/2024AL) đóng 550.000 đồng; Kỳ 23, 24, 25, 26, 27, 33 (ngày

12/08/2024AL, ngày 17/08/2024AL, ngày 22/08/2024AL, ngày 27/08/2024AL, ngày 02/09/2024AL, ngày 03/10/2024AL) đóng 500.000 đồng; Kỳ 28, 29, 30 (ngày 07/09/2024AL, ngày 12/09/2024AL, ngày 17/09/2024AL) đóng 470.000 đồng; Kỳ 31, 32 (ngày 22/09/2024AL, ngày 27/09/2024AL) đóng 450.000 đồng).

Tổng cộng số tiền bà T5 còn nợ bà T trong các dây hội trên: 133.900.000 đồng + 26.000.000 đồng + 18.220.000 đồng = 178.120.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa bà T với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hốt hội. Sau khi sự việc xảy ra, bà T yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà bà T đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Nay bà Trần Thị Bé T yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 có trách nhiệm liên đới trả cho bà T tổng số tiền hội 178.120.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Tòa xét xử và thi hành án xong.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị Tuyết H, trình bày và có ý kiến:

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Khai hội ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), mãn hội ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL). Bà H là hội viên tham gia 03 phần hội trong dây hội này với tên trong sổ hội là “HUƠNG”. Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hốt hội cố định số tiền 700.000 đồng/01lần hốt hội, châu hội số tiền 1.300.000 đồng/01lần hốt hội. Trong 03 phần hội trên, bà H đã hốt 01 phần hội, còn lại 02 phần hội sống, cụ thể:

Kỳ hội thứ 37 ngày 21/12/2022 AL (nhằm ngày 12/01/2023DL), bà H hốt 01 phần hội được số tiền 211.050.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 209.550.000 đồng, bà H đã nhận tiền đủ. Sau khi hốt hội bà H đóng hội chết từ ngày 01/01/2023AL (nhằm ngày 22/01/2023DL) đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) được tổng số tiền 134.000.000 đồng. Đến ngày 05/10/2024AL (05/11/2024 DL) tương ứng với kỳ 104 bà T5 tuyên bố ngưng không khai hội nữa. Bà H đóng hội sống từ ngày 15/12/2021AL đến ngày

05/10/2024AL là 103 kỳ (thành tiền 103 kỳ đã đóng hội sống x 1.300.000 đồng x 02 phần = 267.800.000 đồng). Tính từ ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) đến ngày mãn hội ngày 06/09/2025 (nhằm ngày 26/10/2025DL) còn 37 kỳ (thành tiền 37 kỳ chưa đóng x 2.000.000 đồng x 01 phần = 74.000.000 đồng). Do đó, sau khi căn trừ số tiền đã châu (02 hội sống) với số tiền chưa châu của 01 phần hội chết: 267.800.000 đồng - 74.000.000 đồng = 193.800.000 đồng.

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 72 phần. Khai hội ngày 10/01/2024AL (nhằm ngày 19/02/2024DL), mãn hội ngày 10/12/2025AL (nhằm ngày 28/01/2022DL). Bà H là hội viên tham gia 01 phần trong dây hội này với tên trong sổ hội là “H”. Bà H đã đóng tiền hội sống cho bà T5 từ ngày 1/10/2024AL (nhằm ngày 1/11/2024DL) đến ngày 24/09/2024AL (nhằm ngày 26/10/2024DL) được 26 kỳ với số tiền 1.000.000đồng x 26 kỳ = 26.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà T5 còn nợ bà H trong các dây hội nêu trên: 193.800.000 đồng + 26.000.000 đồng = 219.800.000 đồng.

Ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa bà H với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hốt hội. Sau khi sự việc xảy ra, bà H yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà bà H đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Nay bà Trần Thị Tuyết H yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 có trách nhiệm liên đới trả cho bà H tổng số tiền hội 219.800.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Tòa xét xử và thi hành án xong.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Kim P, trình bày và có ý kiến:

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Khai hội ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), mãn hội ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL). Bà P là hội viên tham gia 02 phần hội trong dây hội này với tên trong sổ hội là “Út P1”. Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hốt hội cố định số tiền 700.000đồng/01lần hốt hội, châu hội số tiền 1.300.000đồng/01lần hốt hội.

Ngày 27/01/2024AL (nhằm ngày 07/03/2024DL), kỳ hội thứ 79 bà P1 hốt 01 phần hội với số tiền 232.500.000 đồng, bà P1 đã nhận đủ tiền. Sau khi hốt hội

bà P1 đóng hội chết từ ngày 08/02/2024AL đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) ở kỳ 103 được tổng số tiền 50.000.000 đồng.

Đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) tương ứng với kỳ 104 bà T5 tuyên bố ngưng không khai hội nữa. Bà P1 đóng hội sống từ ngày 15/12/2021AL đến ngày 05/10/2024AL được 103 kỳ (thành tiền 103 kỳ đã đóng hội sống $\times 1.300.000$ đồng $\times 01$ phần = 133.900.000 đồng). Tính từ ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) đến ngày mãn hội ngày 06/09/2025 (nhằm ngày 26/10/2025DL) còn 37 kỳ (thành tiền 37 kỳ chưa đóng $\times 2.000.000$ đồng $\times 01$ phần = 74.000.000 đồng). Do đó, số tiền sau khi cân trừ số tiền đã châu (hội sống) với số tiền chưa châu của 01 phần hội chết: 133.900.000 đồng - 74.000.000 đồng = 59.900.000 đồng.

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 72 phần. Khai hội ngày 10/01/2024AL (nhằm ngày 19/02/2024DL), mãn hội ngày 10/12/2025AL (ngày 28/01/2022DL). Bà P1 là hội viên tham gia 01 phần trong dây hội này với tên trong sổ hội là “Út P1”. Bà P1 đã đóng tiền hội sống cho bà T5 từ ngày 1/10/2024AL (nhằm ngày 1/11/2024DL) đến ngày 24/09/2024AL (nhằm ngày 26.10/2024DL) được 26 kỳ với số tiền 1.000.000 đồng $\times 26$ kỳ = 26.000.000 đồng.

Dây hội 1.000.000đồng/5 ngày, gồm 80 phần. Khai hội ngày 20/04/2024AL (nhằm ngày 27/05/2024DL), mãn hội ngày 01/06/2025AL (nhằm ngày 25/06/2025DL); Huê hồng 500.000 đồng. Bà P1 là hội viên tham gia 01 phần hội trong dây hội này với tên trong sổ hội là “Út Phương”, tôi đóng hội (sống) được 33 kỳ ngày 06/10/2024AL (06/11/2024DL) với số tiền 18.220.000 đồng (cụ thể: Kỳ 1, 4, 9 (ngày 20/04/2024AL, ngày 06/05/2024AL, ngày 01/06/2024AL) đóng 650.000 đồng; Kỳ 2, 3, 14, 18 (ngày 25/04/2024AL, ngày 01/05/2024AL, ngày 26/06/2024AL, ngày 17/07/2024AL) đóng 600.000 đồng; Kỳ 5, 7, 8, 11, 12, 13 (ngày 11/05/2024AL, ngày 21/05/2024AL, ngày 26/05/2024AL, ngày 11/06/2024AL, ngày 16/06/2024AL, ngày 21/06/2024AL) đóng 580.000 đồng; Kỳ 6, 15, 16 (ngày 16/05/2024AL, ngày 02/07/2024AL, 07/07/2024AL) đóng 570.000 đồng; Kỳ 10, ngày 06/06/2024AL đóng 620.000 đồng; Kỳ 17, 19, 20, 21, 22 (ngày 12/07/2024AL, ngày 22/07/2024AL, ngày 27/07/2024AL, ngày 02/08/2024AL, ngày 07/08/2024AL) đóng 550.000 đồng; Kỳ 23, 24, 25, 26, 27, 33 (ngày 12/08/2024AL, ngày 17/08/2024AL, ngày 22/08/2024AL, ngày 27/08/2024AL, ngày 02/09/2024AL, ngày 03/10/2024AL) đóng 500.000 đồng; Kỳ 28, 29, 30 (ngày 07/09/2024AL, ngày 12/09/2024AL, ngày 17/09/2024AL) đóng 470.000 đồng; Kỳ 31, 32 (ngày 22/09/2024AL, ngày 27/09/2024AL) đóng 450.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền bà T5 còn nợ bà P1 trong các dây hội trên: 59.900.000 đồng + 26.000.000 đồng + 18.220.000 đồng = 104.120.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa bà P1 với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hốt hội. Sau khi sự việc xảy ra, bà P1 yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà bà P1 đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P1.

Nay bà Trần Kim P yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 có trách nhiệm liên đới trả cho bà P tổng số tiền hội 104.120.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Tòa xét xử và thi hành án xong.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn C, trình bày và có ý kiến:*

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Khai hội ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), Mãn hội ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL), ông C là hội viên tham gia 02 phần hội (thể hiện ở sổ hội ghi tên 10 Đợt). Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hốt hội cố định số tiền 700.000 đồng/01lần hốt hội, châu hội số tiền 1.300.000 đồng/01lần hốt hội. Ông C đã đóng số tiền hội sống từ ngày 15/12/2021AL đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) được: 103 lần x 1.300.000 đồng x 2 phần = 267.800.000 đồng.

Dây hội 1.000.000đồng/05ngày, gồm 80 phần. Khai hội ngày 20/04/2024AL (nhằm ngày 27/05/2024DL), mãn hội ngày 01/06/2025AL (nhằm ngày 25/06/2025 DL), ông C là hội viên tham gia 02 phần hội (thể hiện ở sổ hội ghi tên 10 Đợt). Ông C đã đóng số tiền hội sống từ ngày 20/04/2024AL đến ngày 03/10/2024AL (nhằm ngày 03/11/2024DL) được 33 lần với số tiền 18.220.000 đồng x 2 phần hội = 36.440.000 đồng (cụ thể: Kỳ 1, 4, 9 (ngày 20/04/2024AL, ngày 06/05/2024AL, ngày 01/06/2024AL) đóng 650.000 đồng; Kỳ 2, 3, 14, 18 (ngày 25/04/2024AL, ngày 01/05/2024AL, ngày 26/06/2024AL, ngày 17/07/2024AL) đóng 600.000 đồng; Kỳ 5, 7, 8, 11, 12, 13 (ngày 11/05/2024AL, ngày 21/05/2024AL, ngày 26/05/2024AL, ngày 11/06/2024AL, ngày

16/06/2024AL, ngày 21/06/2024AL) đóng 580.000 đồng; Kỳ 6, 15, 16 (ngày 16/05/2024AL, ngày 02/07/2024AL, 07/07/2024AL) đóng 570.000 đồng; Kỳ 10, ngày 06/06/2024AL đóng 620.000 đồng; Kỳ 17, 19, 20, 21, 22 (ngày 12/07/2024AL, ngày 22/07/2024AL, ngày 27/07/2024AL, ngày 02/08/2024AL, ngày 07/08/2024AL) đóng 550.000 đồng; Kỳ 23, 24, 25, 26, 27, 33 (ngày 12/08/2024AL, ngày 17/08/2024AL, ngày 22/08/2024AL, ngày 27/08/2024AL, ngày 02/09/2024AL, ngày 03/10/2024AL) đóng 500.000 đồng; Kỳ 28, 29, 30 (ngày 07/09/2024AL, ngày 12/09/2024AL, ngày 17/09/2024AL) đóng 470.000 đồng; Kỳ 31, 32 (ngày 22/09/2024AL, ngày 27/09/2024AL) đóng 450.000 đồng).

Tổng cộng ông C đã đóng hội sống cho bà Phạm Thị Lệ T5 với số tiền: 267.800.000 đồng + 36.440.000 đồng = 304.204.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu hai trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Ngày 05/10/2024AL (05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa ông C với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hốt hội. Sau khi sự việc xảy ra, ông C yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà ông C đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C.

Nay ông Nguyễn Văn C yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải có trách nhiệm liên đới trả ông C tổng số tiền 304.204.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Toà án xét xử và thi hành án xong.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị N, trình bày và có ý kiến:

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Khai hội ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), mãn hội ngày 06/09/2025Al (nhằm 26/10/2025DL), bà N là hội viên tham gia 01 phần (thể hiện ở sổ hội ghi tên “MĂNG LE”). Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hốt hội cố định số tiền 700.000 đồng/01lần hốt hội, châu hội số tiền 1.300.000 đồng/01lần hốt hội. Dây hội này bà N chưa hốt và đã đóng số tiền hội sống cho bà T5 từ ngày 15/12/2021AL đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) được 103 kỳ thành tiền 1.300.000 đồng x 103 kỳ = 133.900.000đồng. Ngày 05/10/2024AL (05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hụi giữa bà N với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hụi của hụi viên cho mỗi lần khai, hốt hụi. Sau khi sự việc xảy ra, bà N yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hụi mà bà N đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hụi, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Nay bà Trần Thị N yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải có trách nhiệm liên đới trả bà N số tiền 133.900.000 đồng (Một trăm ba mươi mưới ba triệu chín trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Toà án xét xử và thi hành án xong.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thùy T3, trình bày và có ý kiến:

Dây hụi 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Khai hụi ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), mãn hụi ngày 06/09/2025Al (nhằm ngày 26/10/2025DL), bà Nguyễn Thị Thùy T3 là hụi viên tham 10 phần (thể hiện ở sổ hụi ghi tên “Chang”) Giữa chủ hụi và hụi viên có thoả thuận miệng hốt hụi cố định số tiền 700.000đồng/01lần hốt hụi, châu hụi số tiền 1.300.000đồng/01lần hốt hụi. Sau bà Nguyễn Thị Thùy T3 bán lại cho bà Phạm Thị Lệ T5 02 phần hụi nên còn lại 8 phần hụi.

Kỳ hụi thứ 12 là ngày 07/04/2022AL (nhằm ngày 07/05/2022DL), bà Nguyễn Thị Thùy T3 hốt 1 phần hụi được số tiền 162.800.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 161.300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thùy T3 đã nhận tiền đủ. Sau khi hốt hụi bà Nguyễn Thị Thùy T3 đóng hụi chết từ ngày nào 17/04/2022 AL đến ngày 05/10/2024AL được 92 kỳ thành tiền $92 \times 2.000.000$ đồng = 184.000.000 đồng. Còn lại 37 kỳ chưa đóng hụi chết cho bà T5 đến khi mãn hụi là $37 \text{ kỳ} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 74.000.000 \text{ đồng}$.

Kỳ hụi thứ 45 là ngày 12/02/2023AL (nhằm ngày 02/04/2023 DL) bà Nguyễn Thị Thùy T3 hốt 1 phần hụi được số tiền 202.400.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 200.900.000 đồng bà Nguyễn Thị Thùy T3 đã nhận tiền đủ. Sau khi hốt hụi bà Nguyễn Thị Thùy T3 đóng hụi chết từ ngày nào 15/12/2021AL đến ngày 05/10/2024AL được 59 kỳ thành tiền $59 \text{ kỳ} \times 2.000.000$ đồng = 118.000.000 đồng. Còn lại 37 kỳ chưa đóng hụi chết cho bà T5 đến khi mãn hụi là $37 \text{ kỳ} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 74.000.000 \text{ đồng}$.

Kỳ hụi thứ 98 là ngày 05/08/2024 AL (nhằm ngày 07/09/2024DL) bà Nguyễn Thị Thùy T3 hốt 1 phần hụi được số tiền 248.600.000 đồng, trừ hoa hồng

1.500.000 đồng, số tiền còn lại 247.100.000 đồng bà Nguyễn Thị Thùy T3 đã nhận tiền đủ. Sau khi hốt hụi thì bà Nguyễn Thị Thùy T3 đóng hụi chết từ ngày 15/08/2024AL đến ngày 05/10/2024AL được 06 kỳ thành tiền 06 kỳ x 2.000.000 đồng = 12.000.000 đồng. Còn lại 37 kỳ chưa đóng hụi chết cho bà T5 đến khi mãn hụi là 37 kỳ x 2.000.000 đồng = 74.000.000 đồng.

Trong dây hụi này đối với 05 phần hụi sống bà Nguyễn Thị Thùy T3 đóng hụi sống cho bà T5 từ ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) tương ứng với kỳ 103 là 1.300.000 đồng x 5 phần x 103 kỳ = 669.500.000 đồng (sáu trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Số tiền sau khi cần trừ từ số tiền hụi sống đã đóng và số tiền hụi chết còn lại: 669.500.000 đồng – 74.000.000 đồng x 3 phần hụi chết = 447.500.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000đồng/10ngày, gồm 72 phần. Khai hụi ngày 10/01/2024AL (nhằm ngày 19/02/2024DL), mãn hụi ngày 10/12/2025AL (nhằm ngày 28/01/2026DL). Bà Nguyễn Thị Thùy T3 là hụi viên tham gia 01 phần hụi trong dây hụi này với tên trong sổ hụi là “T3 com”. Giữa chủ hụi và hụi viên có thỏa thuận miệng hốt hụi cố định số tiền 1.000.000đồng/01lần hốt hụi, châu hụi số tiền 1.000.000 đồng/01lần hốt hụi. Bà Nguyễn Thị Thùy T3 đóng hụi sống cho bà T5 từ ngày 10/01/2024 AL đến ngày 24/09/2024AL được 26 kỳ thành tiền: 1.000.000 đồng x 01 phần x 26 kỳ = 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị Thùy T3 đã đóng hụi sống cho bà Phạm Thị Lệ T5 với số tiền là 447.500.000 đồng + 26.000.000 đồng = 473.500.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hụi nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hụi giữa bà Thùy T3 với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hụi của hụi viên cho mỗi lần khai, hốt hụi. Sau khi sự việc xảy ra, bà Thùy T3 yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hụi mà bà Thùy T3 đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hụi, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thùy T3.

Nay bà Nguyễn Thị Thùy T3 yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải có trách nhiệm liên đới trả bà Thùy T3 số tiền 473.500.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Toà án xét xử và thi hành án xong.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị L, trình bày và có ý kiến:

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Hội khai ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), Mãn hội ngày 06/09/2025 (nhằm ngày 26/10/2025DL); bà L là hội viên tham gia 04 phần hội và được thể hiện ở sổ hội tên “VỢ KIẾT”. Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hót hội cố định số tiền 700.000đồng/01lần hót hội, châu hội số tiền 1.300.000đồng/01lần hót hội. Ngày 05/6/2023AL (nhằm ngày 22/07/2023DL), kỳ 53 ngày 04/05/2023AL (nhằm ngày 21/06/2023DL) bà L hót 01 phần hội được số tiền 215.600.000 đồng, trừ hoa hồng 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 214.100.000 đồng bà L đã nhận tiền đủ. Sau khi hót hội bà L đóng hội chết từ ngày 14/05/2024AL đến ngày 05/10/2024AL được tổng số tiền là 102.000.000 đồng.

Đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) tương ứng với kỳ 104 bà T5 tuyên bố ngưng không khai hội nữa. Từ ngày 15/12/2021AL đến ngày 05/10/2024AL bà L đóng hội sống cho bà T5 được 103 kỳ (thành tiền 103 kỳ đã đóng hội sống $\times$ 1.300.000 đồng $\times$ 03 phần = 401.700.000 đồng). Tính từ ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) đến ngày mãn hội ngày 06/09/2025 (26/10/2025DL) còn 37 kỳ (thành tiền 37 kỳ chưa đóng $\times$ 2.000.000 đồng $\times$ 01 phần = 72.000.000 đồng).

Do đó, số tiền sau khi cần trừ số tiền đã châu (hội sống) với số tiền chưa châu của 01 phần hội chết: 401.700.000 đồng - 74.000.000 đồng = 327.700.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tổng cộng bà L đã đóng hội sống cho bà Phạm Thị Lệ T5 với số tiền là 327.700.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng).

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa bà L với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hót hội. Sau khi sự việc xảy ra, bà L yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà bà L đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L.

Nay bà Trần Thị L yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải có trách nhiệm liên đới trả bà L số tiền 327.700.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Toà án xét xử và thi hành án xong.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Bé B trình bày và có ý kiến:

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Khai hội ngày 15/12/2021 AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), mãn hội ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL). Bà Nguyễn Thị B1 Ba là hội viên tham gia 05 phần trong dây hội này với tên trong sổ hội là “BÉ BA”. Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hót hội cố định số tiền 700.000 đồng/01lần hót hội, châu hội số tiền 1.300.000 đồng/01lần hót hội. Bà Nguyễn Thị Bé B đã hót 2 phần hội và còn 3 phần hội sống:

Hót hội lần thứ nhất, bà Nguyễn Thị B1 Ba không nhớ kỳ nào nhưng bà T5 đã giao đủ cho bà Nguyễn Thị B1 Ba số tiền 195.000.000 đồng. Còn lại 40 kỳ chưa đóng cho đến khi mãn hội là $40 \text{ kỳ} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 80.000.000 \text{ đồng}$.

Hót hội lần thứ hai, vào kỳ hội 101 ngày 05/09/2024AL (nhằm ngày 07/10/2024DL) với số tiền 250.700.000 đồng, trừ tiền huê hồng 1.500.000 đồng, số tiền hội bà Nguyễn Thị B1 Ba nhận 249.200.000 đồng; nhưng bà T5 chỉ mới giao cho bà Nguyễn Thị B1 Ba số tiền 180.000.000 đồng, bà T5 còn nợ lại phần tiền hội của bà Nguyễn Thị B1 Ba là 69.200.000 đồng (Sáu mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Còn lại 40 kỳ chưa đóng cho đến khi mãn hội là $40 \text{ kỳ} \times 2.000.000 \text{ đồng} = 80.000.000 \text{ đồng}$.

Đối với 03 phần hội sống bà Nguyễn Thị B1 Ba đóng hội sống cho bà T5 từ ngày 15/12/2021AL đến ngày 05/09/2024AL (nhằm ngày 07/10/2024DL) được 100 kỳ thành tiền: $100 \text{ kỳ} \times 1.300.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ phần} = 390.000.000 \text{ đồng}$ (Ba trăm chín mươi triệu đồng). Sau khi trừ lại 02 phần hội chết đã hót còn lại số tiền $(390.000.000 \text{ đồng} - 160.000.000 \text{ đồng}) = 230.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 72 phần. Khai hội ngày 10/01/2024AL (nhằm ngày 19/02/2024DL), mãn hội ngày 10/12/2025AL (nhằm ngày 28/01/2022DL). Bà Nguyễn Thị B1 Ba là hội viên tham gia 2 phần trong dây hội này với tên trong sổ hội là “BÉ 3”. Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hót hội cố định là 1.000.000đồng/01lần hót hội, châu hội là 1.000.000 đồng/01lần hót hội. Bà Nguyễn Thị B1 Ba đóng hội sống cho bà T5 từ ngày 10/01/2024AL đến ngày 04/09/2024AL (nhằm ngày 06/10/2024DL) được 23 kỳ thành tiền: $23 \text{ kỳ} \times 1.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ phần} = 46.000.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Dây hội 1.000.000đồng/5ngày, gồm 80 phần. Khai hội ngày 20/04/2024AL (nhằm ngày 27/05/2024DL), mãn hội ngày 01/06/2025AL (nhằm ngày 25/06/2025 DL). Bà Nguyễn Thị B1 Ba là hội viên tham gia 02 phần hội trong dây hội này với tên trong sổ hội là “BÉ 3”. Trong đơn khởi kiện do có sự tính toán nhầm ở dây hội 1.000.000 đồng này nên bà Nguyễn Thị B1 Ba xác định dây hội này bà Nguyễn Thị B1 Ba chỉ đóng hội sống đến kỳ 25 (ngày 24/08/2024AL nhằm ngày

26/09/2024DL) thì ngưng do bà T5 không giao đủ tiền ở dây hội 2.000.000đồng/10ngày, ngày 15/12/2021AL, mần hội ngày 06/09/2025AL với số tiền 28.820.000 đồng (cụ thể: Kỳ 1, 4, 9 (ngày 20/04/2024AL, ngày 06/05/2024AL, ngày 01/06/2024Al) đóng, 650.000đồng; Kỳ 2, 3, 14, 18 (ngày 25/04/2024AL, ngày 01/05/2024Al, ngày 26/06/2024AL, ngày 17/07/2024AL) đóng 600.000đồng; Kỳ 5, 7, 8, 11, 12, 13 (ngày 11/05/2024AL, ngày 21/05/2024AL, ngày 26/05/2024AL, ngày 11/06/2024AL, ngày 16/06/2024AL, ngày 21/06/2024AL) đóng 580.000đồng; Kỳ 6, 15, 16 (ngày 16/05/2024AL, ngày 02/07/2024Al, 07/07/2024AL) đóng 570.000đồng; Kỳ 10, ngày 06/06/2024AL đóng 620.000đồng; Kỳ 17, 19, 20, 21, 22 (ngày 12/07/2024al, ngày 22/07/2024AL, ngày 27/07/2024AL, ngày 02/08/2024AL, ngày 07/08/2024AL) đóng 550.000đồng; Kỳ 23, 24, 25 (ngày 12/08/2024AL, ngày 17/08/2024AL, ngày 22/08/2024AL) đóng 500.000đồng).

Như vậy, tổng số tiền bà T5 còn nợ bà Nguyễn Thị B1 Ba trong các dây hội: 69.200.000 đồng + 230.000.000 đồng + 46.000.000 đồng + 28.820.000 đồng = 374.020.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu không trăm hai chục nghìn đồng).

Ngày 05/10/2024AL (05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa bà B1 Ba với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hốt hội. Sau khi sự việc xảy ra, bà B1 Ba yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà bà Bé B đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bé B.

Nay bà Nguyễn Thị B1 Ba yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải có trách nhiệm liên đới trả bà B1 Ba số tiền 374.020.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn triệu không trăm hai chục nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Toà án xét xử và thi hành án xong.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T1, trình bày và có ý kiến:

Do quen biết bà Phạm Thị Lệ T5 làm chủ hội lâu năm nên ông Nguyễn Văn T1 tin tưởng, được biết bà T5 chuẩn bị mở dây hội mới ông T1 có trao đổi muốn tham gia nhưng bà T5 cho biết dây hội đã đủ người. Sau đó, bà T5 đã liên hệ để bán cho ông T1 02 phần hội của dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Khai hội ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), Mần hội ngày

06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL); Huê hồng 1.500.000 đồng và nói rằng 02 phần hội này là của hội viên bà Nguyễn Thị Thùy T3 bán lại cho bà Phạm Thị Lệ T5, cụ thể:

Mua lần 1 nhằm kỳ thứ 1 ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL) với số tiền 179.900.000 đồng. Ngày 15/07/2023AL (nhằm ngày 30/08/2022DL) kỳ hội thứ 60, hót 01 phần hội được 219.500.000 đồng và đã nhận tiền đủ nên ông T1 không tranh chấp đối với phần hội này.

Mua lần 2 nhằm kỳ thứ 5 ngày 25/01/2022AL (nhằm ngày 25/02/2022DL) với số tiền 182.700.000 đồng.

Đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) tương ứng với kỳ 104 bà T5 tuyên bố ngưng không khai hội nữa. Từ ngày 15/12/2021AL đến ngày 05/10/2024AL là 103 kỳ (thành tiền 103 kỳ đã đóng x 2.000.000 đồng x 01 phần = 206.000.000 đồng). Tính từ ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) đến ngày mãn hội ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL) còn 37 kỳ (thành tiền 37 kỳ chưa đóng x 1.300.000 đồng x 01 phần = 48.100.000 đồng). Như vậy, số tiền bà T5 còn nợ ông T1 tiền hội: 254.100.000 đồng (hai trăm năm mươi bốn triệu, một trăm nghìn đồng).

Ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa ông T1 với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hót hội. Sau khi sự việc xảy ra, ông T1 yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà ông T1 đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1.

Nay ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải có trách nhiệm liên đới trả ông T1 số tiền 254.100.000 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 05/11/2024AL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Toà án xét xử và thi hành án xong.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị H1, trình bày và có ý kiến:*

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Hội khai ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022DL), Mãn hội ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL). Bà Nguyễn Thị H1 là hội viên tham gia 02 phần hội và được thể hiện ở sổ hội tên “THẨM”; Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hót

hội cố định là 700.000 đồng/01lần hốt hội, châu hội là 1.300.000 đồng/01lần hốt hội, hưởng huê hồng cho mỗi lần khai hội là 1.500.000đồng. Ngày 14/5/2023AL (nhằm ngày 01/7/2023DL) ở kỳ hội thứ 54 bà H1 hốt 01 phần hội được số tiền 216.300.000 đồng, bà T5 đã giao đủ cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền này. Bà Nguyễn Thị H1 đã đóng hội chết cho bà T5 từ ngày 25/6/2023AL (nhằm ngày 11/8/2023DL) đến ngày 25/9/2024Al (nhằm ngày 27/10/2024DL) ở kỳ thứ 103 được tổng số tiền 98.000.000 đồng. Đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024 DL) tương ứng với kỳ 104 bà T5 tuyên bố ngưng không khai hội nữa. Từ ngày 15/12/2021AL đến ngày 05/10/2024AL là 103 kỳ (thành tiền 103 kỳ đã đóng hội sống $\times$ 1.300.000 đồng $\times$ 01 phần = 133.900.000 đồng) Tính từ ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024 DL) đến ngày mãn hội ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL) còn 37 kỳ (thành tiền 37 kỳ chưa đóng $\times$ 2.000.000 đồng $\times$ 01 phần = 74.000.000 đồng).

Do đó, số tiền sau khi cần trừ số tiền đã châu (hội sống) với số tiền chưa châu của 01 phần hội chết là: 133.900.000 đồng - 74.000.000 đồng = 59.900.000 đồng (Năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 72 phần. Hội khai ngày 10/01/2024AL (nhằm ngày 19/02/2024DL), Mãn hội ngày 10/12/2025AL (nhằm ngày 28/01/2026 DL). Bà Nguyễn Thị H1 là hội viên tham gia 04 phần hội và được thể hiện ở sổ hội tên “HIỆP”. Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hốt hội cố định là 1.000.000 đồng/01lần hốt hội, châu hội là 1.000.000 đồng/01lần hốt hội. Bà Nguyễn Thị H1 đóng hội sống cho bà T5 từ ngày 10/01/2024AL (nhằm ngày 19/02/2024DL) đến ngày 24/9/2024AL (nhằm ngày 26/10/2024DL) được 26 kỳ thành tiền: 1.000.000 đồng $\times$ 01 phần $\times$ 26 kỳ = 26.000.000 đồng(hai mươi sáu triệu đồng).

Dây hội 1.000.000đồng/05ngày, gồm 80 phần. Khai hội ngày 20/04/2024AL (nhằm ngày 27/05/2024DL), mãn hội ngày 01/06/2025AL (nhằm ngày 25/06/2025 DL), tôi là hội viên tham gia 04 phần thể hiện tên trong sổ hội là “Dì L” và “H1”. Bà Nguyễn Thị H1 đã đóng số tiền hội sống từ ngày 20/04/2024AL đến ngày 24/09/2024AL (nhằm ngày 26/10/2024DL) được 33 lần là 18.220.000 đồng $\times$ 04 phần = 72.880.000 đồng (Bảy mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng (cụ thể: Kỳ 1, 4, 9 (ngày 20/04/2024AL, ngày 06/05/2024AL, ngày 01/06/2024AL) đóng 650.000 đồng; Kỳ 2, 3, 14, 18 (ngày 25/04/2024AL, ngày 01/05/2024AL, ngày 26/06/2024AL, ngày 17/07/2024AL) đóng 600.000 đồng; Kỳ 5, 7, 8, 11, 12, 13 (ngày 11/05/2024AL, ngày 21/05/2024AL, ngày 26/05/2024AL, ngày 11/06/2024AL, ngày 16/06/2024AL, ngày 21/06/2024AL) đóng 580.000 đồng; Kỳ 6, 15, 16 (ngày 16/05/2024AL, ngày 02/07/2024AL, 07/07/2024AL) đóng 570.000 đồng; Kỳ 10, ngày 06/06/2024AL đóng 620.000

đồng; Kỳ 17, 19, 20, 21, 22 (ngày 12/07/2024AL, ngày 22/07/2024AL, ngày 27/07/2024AL, ngày 02/08/2024AL, ngày 07/08/2024AL) đóng 550.000 đồng; Kỳ 23, 24, 25, 26, 27, 33 (ngày 12/08/2024AL, ngày 17/08/2024AL, ngày 22/08/2024AL, ngày 27/08/2024AL, ngày 02/09/2024AL, ngày 03/10/2024AL) đóng 500.000 đồng; Kỳ 28, 29, 30 (ngày 07/09/2024AL, ngày 12/09/2024AL, ngày 17/09/2024AL) đóng 470.000 đồng; Kỳ 31, 32 (ngày 22/09/2024AL, ngày 27/09/2024AL) đóng 450.000 đồng).

Như vậy, tổng số tiền bà T5 còn nợ bà H1 trong các dây hội trên: 59.900.000 đồng + 26.000.000 đồng + 72.880.000 đồng = 158.780.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa bà H1 với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hốt hội. Sau khi sự việc xảy ra, bà H1 yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà bà H1 đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1.

Nay bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải có trách nhiệm liên đới trả bà H1 tổng số tiền 158.780.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 05/11/2024AL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Toà án xét xử và thi hành án xong.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị Diễm T2, trình bày và có ý kiến:

Dây hội 2.000.000đồng/10ngày, gồm 140 phần. Hội khai ngày 15/12/2021AL (nhằm ngày 17/01/2022 DL), Mãn hội ngày 06/09/2025 (26/10/2025 DL). Bà Phạm Thị Diễm T2 là hội viên tham gia 10 phần hội trong dây hội này với tên trong sổ hội là “CHANG CÁ”; Giữa chủ hội và hội viên có thoả thuận miệng hốt hội cố định là 700.000 đồng/01lần hốt hội, châu hội là 1.300.000 đồng/01lần hốt hội.

Bà Phạm Thị Diễm T2 đã hốt hội 05 phần hội (05 lần) với tổng số tiền 1.217.300.000 đồng, bà T5 đã giao đủ cho bà Diễm T2 số tiền trong các phần này, cụ thể: Lần 1 ngày 15/3/2024AL (nhằm ngày 23/4/2024DL) ở kỳ thứ 84 bà Diễm T2 hốt 01 phần hội được tổng số tiền 237.300.000 đồng; lần 02 ngày 05/5/2024AL (nhằm ngày 10/6/2024DL) ở kỳ thứ 89 bà Diễm T2 hốt 01 phần hội được tổng số

tiền 240.800.000 đồng; lần 03 ngày 05/6/2024AL (nhằm ngày 10/7/2024DL) ở kỳ thứ 92 bà Diễm T2 hốt 01 phần hội được tổng số tiền 242.900.000 đồng; lần 04 ngày 15/8/2024AL (nhằm ngày 17/9/2024DL) ở kỳ hội thứ 99 bà Diễm T2 hốt 01 phần hội được tổng số tiền 247.800.000 đồng; lần 05 ngày 25/08/2024 AL (nhằm ngày 27/09/2024 DL) ở kỳ hội thứ 100 bà Diễm T2 hốt 01 phần hội được tổng số tiền 248.500.000 đồng. Tính từ ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024 DL) đến ngày mãn hội ngày 06/09/2025AL (nhằm ngày 26/10/2025DL) còn 37 kỳ (thành tiền 37 kỳ chưa đóng x 2.000.000 đồng x 05 phần = 370.000.000 đồng).

Đến ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL) tương ứng với kỳ 104 bà T5 tuyên bố ngưng không khai hội nữa. Bà Diễm T2 đã đóng hội sống cho bà T5 từ ngày 15/12/2021AL đến ngày 05/10/2024AL là 103 kỳ (thành tiền 103 kỳ đã đóng hội sống x 1.300.000 đồng x 05 phần = 669.500.000 đồng). Số tiền sau khi căn trừ số tiền đã châu hội sống với số tiền chưa châu của 05 phần hội chết: 669.500.000 đồng - 370.000.000 đồng = 299.500.000 đồng (Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa bà Diễm T2 với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hốt hội. Sau khi sự việc xảy ra, bà Diễm T2 yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà bà Diễm T2 đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Diễm T2.

Nay bà Phạm Thị Diễm T2 yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải có trách nhiệm liên đới trả bà Diễm T2 số tiền 299.500.000 đồng (Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Tòa án xét xử và thi hành án xong.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trương Minh H2, trình bày và có ý kiến:

Dây hội 1.000.000đồng/05ngày, gồm 80 phần. Khai hội ngày 20/04/2024AL (nhằm ngày 27/05/2024DL), mãn hội ngày 01/06/2025AL (nhằm ngày 25/06/2025DL), bà Trương Minh H2 là hội viên tham gia 01 phần hội thể hiện tên trong sổ hội là “LÝ”. Bà Trương Minh H2 đã đóng số tiền hội sống từ ngày 20/04/2024AL đến ngày 24/09/2024AL (nhằm ngày 26/10/2024DL) được 33 lần là 18.220.000 đồng x 1 phần = 18.220.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), (cụ thể: Kỳ 1, 4, 9 (ngày 20/04/2024AL, ngày 06/05/2024AL, ngày 01/06/2024AL) đóng 650.000 đồng; Kỳ 2, 3, 14, 18 (ngày 25/04/2024AL, ngày 01/05/2024AL, ngày 26/06/2024AL, ngày 17/07/2024AL) đóng 600.000

đồng; Kỳ 5, 7, 8, 11, 12, 13 (ngày 11/05/2024AL, ngày 21/05/2024AL, ngày 26/05/2024AL, ngày 11/06/2024AL, ngày 16/06/2024AL, ngày 21/06/2024AL) đóng 580.000 đồng; Kỳ 6, 15, 16 (ngày 16/05/2024AL, ngày 02/07/2024AL, 07/07/2024AL) đóng 570.000 đồng; Kỳ 10, ngày 06/06/2024AL đóng 620.000 đồng; Kỳ 17, 19, 20, 21, 22 (ngày 12/07/2024AL, ngày 22/07/2024AL, ngày 27/07/2024AL, ngày 02/08/2024AL, ngày 07/08/2024AL) đóng 550.000 đồng; Kỳ 23, 24, 25, 26, 27, 33 (ngày 12/08/2024AL, ngày 17/08/2024AL, ngày 22/08/2024AL, ngày 27/08/2024AL, ngày 02/09/2024AL, ngày 03/10/2024AL) đóng 500.000 đồng; Kỳ 28, 29, 30 (ngày 07/09/2024AL, ngày 12/09/2024AL, ngày 17/09/2024AL) đóng 470.000 đồng; Kỳ 31, 32 (ngày 22/09/2024AL, ngày 27/09/2024AL) đóng 450.000 đồng).

Ngày 05/10/2024AL (nhằm ngày 05/11/2024DL), bà Phạm Thị Lệ T5 tuyên bố mất khả năng chi trả, không tổ chức khai hội nữa.

Nay bà Trương Minh H2 yêu cầu buộc bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải có trách nhiệm liên đới trả bà H2 số tiền là 18.220.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 05/11/2024ÂL nhằm ngày 05/12/2024DL đến khi Toà án xét xử và thi hành án xong.

Đối với ông Lê Phước T6 là chồng bà Phạm Thị Lệ T5 trong quá trình giao dịch hội giữa bà H2 với bà T5 thì ông T6 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của hội viên cho mỗi lần khai, hốt hội. Sau khi sự việc xảy ra, bà H2 yêu cầu bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 trả tiền hội mà bà H2 đã đóng nhưng bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không thực hiện việc trả tiền hội, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H2.

Đối với bản tự khai của bị đơn bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 không ghi ngày tháng năm 2025, thể hiện với nội dung: Qua yêu cầu khởi kiện các đồng nguyên đơn thì bị đơn xác định là không có nợ tiền của các ông bà Trần Thị Kim Q, Trần Thị Bé T, Trần Thị Tuyết H, Trần Kim P, Nguyễn Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị Thùy T3, Trần Thị L, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Diễm T2, Trương Minh H2. Yêu cầu Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Trần Thị Kim Q, Trần Thị Bé T, Trần Thị Tuyết H, Trần Kim P, Nguyễn Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị Thùy T3, Trần Thị L, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Diễm T2, Trương Minh H2 thì quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền của các đồng nguyên đơn là ông Hứa Trần Anh H3, bà Nguyễn Thúy Q1, ông Nguyễn Minh T7 không đồng ý, bởi lẽ giữa các đồng nguyên đơn với bị đơn bà Phạm Thị Lệ T5 phát sinh quan hệ chơi hội với nhau nhiều năm, bà

T5 là chủ hội còn các đồng nguyên đơn là hội viên, khi chơi hội có danh sách hội, giấy tính tiền hội; ông T7 cũng biết và có thực hiện giao nhận tiền hội của các hội viên cho mỗi lần khai, hốt hội đồng thời trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 nhiều lần không đến Tòa án để hoà giải và đối chất.

Ngoài ra, người đại diện theo uỷ quyền của các đồng nguyên đơn là ông Hứa Trần Anh H3, bà Nguyễn Thúy Q1, ông Nguyễn Minh T7 không có yêu cầu hay ý kiến gì khác.

** Bị đơn bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 có gửi văn bản không ghi ngày tháng năm 2025, thể hiện với nội dung: Qua yêu cầu khởi kiện các đồng nguyên đơn thì bị đơn xác định là không có nợ tiền của các ông bà Trần Thị Kim Q, Trần Thị Bé T, Trần Thị Tuyết H, Trần Kim P, Nguyễn Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị Thùy T3, Trần Thị L, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Diễm T2, Trương Minh H2. Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Trần Thị Kim Q, Trần Thị Bé T, Trần Thị Tuyết H, Trần Kim P, Nguyễn Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị Thùy T3, Trần Thị L, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Diễm T2, Trương Minh H2.*

Tại Bản án số 82/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang) đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông bà Trần Thị Kim Q, Trần Thị Bé T, Trần Thị Tuyết H, Trần Kim P, Nguyễn Văn C, Trần Thị N, Nguyễn Thị Thùy T3, Trần Thị L, Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H1, Phạm Thị Diễm T2, Trương Minh H2 đối với bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6.

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Kim Q số tiền là 262.086.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho Trần Thị Bé T số tiền là 182.974.800 đồng (một trăm tám mươi hai triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Tuyết H số tiền là 227.066.000 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Trần Kim P số tiền là 107.562.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền là 314.260.000 đồng (ba trăm mười bốn triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Trần Thị N số tiền là 138.326.000 đồng (một trăm ba mươi tám triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T3 số tiền là 489.152.000 đồng (bốn trăm tám mươi chín triệu, một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Trần Thị L số tiền là 338.532.000 đồng (ba trăm ba mươi tám triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền là 262.499.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 164.029.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu, không trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị Diễm T2 số tiền là 309.400.000 đồng (ba trăm lẻ chín triệu, bốn trăm nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Trương Minh H2 số tiền là 18.822.000 đồng (mười tám triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị Lệ T5 và ông Lê Phước T6 phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị B1 Ba số tiền là 386.383.000 đồng (ba trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/4/2025 ông Lê Phước T6, bà Phạm Thị Lệ T5 kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đại diện hợp pháp của các nguyên đơn cung cấp bổ sung Bản án số 65/2023/DS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, bản photo biên bản lấy lời khai

ngày 05/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đối với bà Phạm Thị Lệ T5. Các đương sự có ý kiến:

- Ông Nguyễn Phước H4, đại diện hợp pháp của bị đơn có ý kiến: các nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh có giao kết hợp đồng góp hui với bị đơn, không chứng minh được phía bị đơn có nhận tiền hui của các nguyên đơn.

Các nguyên đơn có cung cấp các giấy tờ và cho rằng đây là giấy tính tiền hui nhưng về phía bị đơn chúng tôi không thừa nhận có lập các văn bản này, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành giám định các tài liệu mà các nguyên đơn cho rằng đây là chữ ký, chữ viết của bà Phạm Thị Lệ T5 để không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của các nguyên đơn.

- Ông Hứa Trần Anh H3 có ý kiến: khi thực hiện khởi kiện, phía nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ từ ban đầu gồm danh sách hui viên, giấy tính tiền hui và phía bị đơn đều không có ý kiến gì về các tài liệu này, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án làm việc nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Bà Nguyễn Thúy Q1 có ý kiến: nếu thật sự bà T5 không làm chủ hui thì thế nào 13 nguyên đơn cùng khởi kiện và trình bày thống nhất về vấn đề bà T5 làm chủ các dây hui, ngoài ra, bản án trước đây của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú cũng đã xử buộc bà T5 phải trả tiền hui và hui này cũng liên quan đến các dây hui mà các nguyên đơn yêu cầu bà T5; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo các yêu cầu của các nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn T4 có ý kiến: tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn, người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu tóm tắt nội dung, phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của các nguyên đơn cung cấp Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, về tranh chấp hui, giữa nguyên đơn bà Phạm Thị B2, ông Huỳnh Văn X với bị đơn bà Phạm Thị Lệ T5, ông Lê Phước T6 để xác định bà T5 làm chủ dây hui ngày 15/12/2021a1 nhưng qua kết quả xét hỏi tại phiên tòa cho thấy ông X, bà B2 không phải là hui viên của dây hui ngày 15/12/2021a1 mà người tham gia hui là bà Trần Thị Diệu T8 (thứ tự danh sách hui số 25) nên cần thiết phải làm rõ các tình tiết vừa phát sinh tại phiên tòa làm căn cứ giải quyết vụ án; ngoài ra, các đương sự còn cung cấp tài liệu và cho rằng chữ ký, chữ viết do bà T5 ký, viết ra nhưng chưa được xác định làm rõ

các tài liệu này có phải do bà T5 viết, ký ra hay không để làm căn cứ giải quyết vụ án là thiếu sót. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: ông Lê Phước T6, bà Phạm Thị Lệ T5 làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, ông, bà có đơn xin miễn án phí và được Tòa án chấp nhận nên kháng cáo của ông T6, bà T5 là hợp lệ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Phước T6, bà Phạm Thị Lệ T5, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các nguyên đơn cho rằng bà Phạm Thị Lệ T5 là chủ hội và đã thu tiền hội của các nguyên đơn nhưng bà T5 tuyên bố ngừng hội nên các nguyên đơn yêu cầu bà phải cùng liên đới với ông Lê Phước T6 trả tiền góp hội, lãi theo quy định. Bà Phạm Thị Lệ T5 thì cho rằng không phải là chủ hội và không nợ tiền của các nguyên đơn nên không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Xem xét, đánh giá các trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào danh sách khai hội ngày 15/12/2021 âm lịch, ngày 10/01/2024 âm lịch và ngày 20/4/2024 âm lịch để cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn ít nhiều có sự ràng buộc về quyền và nghĩa vụ; nhận định phía bị đơn không cung cấp chứng cứ và không phản đối ý kiến của nguyên đơn và căn cứ vào giấy tính tiền để buộc bà Phạm Thị Lệ T5, ông Lê Phước T6 phải có nghĩa vụ trả tiền hội cho các nguyên đơn là sai lầm, chưa có cơ sở vững chắc, bởi lẽ:

Danh sách khai hội do các nguyên đơn cung cấp không xác định được ai là người lập, không được chủ hội ký xác nhận (trừ danh sách hội do bà Nguyễn Thị Thùy T3 cung cấp có chữ T5 mà theo nguyên đơn là chữ ký của bà T5 nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bà T5 không thừa nhận); Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng phía bị đơn không phản đối ý kiến của nguyên đơn nhưng thực tế bà Phạm Thị Lệ T5, ông Lê Phước T6 đã có ý kiến trình bày về vụ việc, xác định không nợ tiền các nguyên đơn và đề nghị Tòa án không chấp nhận theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu cho rằng đây chính là phiếu tính tiền hội, danh sách khai hội do chính bà T5 viết và ký ra nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện công tác giám định để xác định, làm rõ có phải chữ viết, chữ ký của bà T5 trên các văn bản, tài liệu trên là thiếu sót. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn xác định các tài liệu này không phải cho bà T5 viết, ký ra và có yêu cầu giám định nhưng việc giám định không thể thực hiện ngay tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của các nguyên đơn có cung cấp Bản án số 65/2023/DS-ST ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú để xác định bà T5 là chủ dây hụi ngày 15/12/2021 âm lịch nhưng qua kết quả tranh tụng cho thấy ông X, bà B2 không phải là hụi viên của dây hụi mà người tham gia là bà T8. Do vậy, cần thiết phải làm rõ bà B2, ông X, bà T8 có vai trò gì trong dây hụi ngày 15/12/2021 âm lịch và dây hụi này có liên quan gì đến dây hụi ngày 15/12/2021 âm lịch mà các đương sự đang tranh chấp; ngoài ra, cũng như làm rõ có việc “mua-bán” hụi giữa ông T1, bà Thùy T3, bà T5 và cần xác minh làm rõ đối với những người tham gia các dây hụi để có thể giải quyết vụ án đúng pháp luật.

Vì những thiếu sót, tình huống mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm nhưng cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] Do Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm và nghĩa vụ chịu tiền án phí sẽ được xác định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Hủy toàn bộ Bản án số 82/2025/DS-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang).

Giao toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm và nghĩa vụ chịu tiền án phí sẽ được xác định lại khi Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang;

- Đương sự;

- Lưu (Văn phòng Tòa án tỉnh, Phòng KTNV, hồ sơ).

Nguyễn Phước Hưng